

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 452/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Phạm Thành Công

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 331/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Kiều T**, sinh năm 19xx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thành T**, sinh năm 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn không ghi ngày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Kiều T trình bày:

Chị T và anh T chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống về cách nuôi dạy con, về tiền bạc, về nơi sinh sống của hai vợ chồng, người muốn ở Gò Công, người muốn ở Vĩnh Long, anh T đi biển về cũng thường hay cờ bạc, chị T đã khuyên nhủ anh T nhiều lần nhưng anh T nói là giải trí chơi thôi nên anh T không đồng ý bỏ, anh T còn hay nhắn tin qua lại với người tình cũ và nhiều người phụ nữ khác, khi chị T nói thì anh T bảo rằng xã giao thôi. Anh chị đã không còn sống chung từ đầu năm 2022 cho đến nay. Chị T không thể

quay về sống chung với gia đình chồng theo ý anh T vì không có ai phụ chị T chăm sóc con cho chị T đi làm và hơn nữa là anh T lại có tính trăng hoa quá mức, là phụ nữ chị T đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không thừa nhận mà chỉ nói là xã giao và cứ vậy mà làm tới thì không thể tiếp tục cuộc sống chung quá ngột ngạt như vậy, tình cảm nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giữa anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Võ Thành T, sinh ngày 08/10/20xx, hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T mặc dù Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Võ Kiều T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành T, sinh năm 19xx, ngụ tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thành T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Kiều T và anh Nguyễn Thành T có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đam mê cờ bạc, chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi nên giữa anh chị thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T đi làm xa nên hai vợ chồng ít có thời gian sống chung và anh chị cũng không thống nhất được nơi sống chung dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, tình cảm dần phai nhạt, không có tiếng nói chung. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Võ Thành T, sinh ngày 08/10/20xx, hiện đang sống chung với chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung nên cần giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Võ Kiều T có yêu cầu ly hôn nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Kiều T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Kiều T và anh Nguyễn Thành T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Võ Thành T, sinh ngày 08/10/20xx cho chị Võ Kiều T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Thành T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Võ Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028053 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Võ Kiều T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh